| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**<br>**ỦY BAN THẨM PHÁN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** TH |

**Quyết định giám đốc thẩm**
Số: 25/2017/KDTM-GĐT
Ngày 11/9/2017
V/v "tranh chấp HĐTD"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội gồm có:***

- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng - Thẩm phán cao cấp;
- Các thành viên : Ông Vũ Mạnh Hùng - Thẩm phán cao cấp;
  Ông Nguyễn Vinh Quang - Thẩm phán cao cấp.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Hòa, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ngân hàng A

Trụ sở: 108 phố T, quận H, thành phố Hà Nội

*Bị đơn*: - Ông Đại Văn T1, sinh năm 1948

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1953

Cùng trú quán: Khu 3 thôn Đ, thị trấn Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo những tài liệu tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Ngân hàng A - Chi nhánh B (sau đây gọi tắt là ngân hàng) cho vợ chồng ông Đại Văn T1, bà Nguyễn Thị P vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 13500075/1913/HĐTDHM/NHCT 262 ngày 25/12/2013 và Hợp đồng tín dụng số 15.19.0007/2015/HĐTDHM/NHCT 262 ngày 13/3/2015 với số tiền đã giải ngân là 5.000.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của gia đình ông T, bà P theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

11.26.0097A/HĐTC ngày 27/7/2011 và văn bản bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/VBSĐBS/2015 ngày 27/02/2015 gồm:

+ Tài sản 01: Quyền sử dụng 90m$^2$ đất ở, thửa đất 31 tờ bản đồ 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD924978 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 22/6/2004 đứng tên chủ hộ Đại Văn T1 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây 3,5 tầng tường gạch, sàn bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 300m$^2$ và các công trình phụ trợ.

+ Tài sản 02: Quyền sử dụng 99m$^2$ đất (50m$^2$ đất ở, 49m$^2$ đất vườn) thửa đất số 511.2 tờ bản đồ 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB171892 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 25/11/2010 đứng tên vợ ông Đại Văn T1 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp 4 tường gạch, mái tôn diện tích 50m$^2$ và các công trình phụ trợ.

+ Tài sản 03: Quyền sử dụng 282m$^2$ đất (200m$^2$ đất ở, 82m$^2$ đất vườn) thửa đất 597 tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A488501 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 20/01/1991 đứng tên ông Đại Văn T1 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp 4 diện tích 80m$^2$ và toàn bộ công trình phụ trợ.

Do ông Đại Văn T1, bà Nguyễn Thị P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng khởi kiện đòi nợ.

Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2016/QĐST/KDTM ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Tính đến hết ngày 06/01/2016 vợ chồng ông T, bà P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 5.456.254.167 đồng. Trong đó nợ gốc là 05 tỷ đồng, lãi trong hạn là 352.663.333 đồng và nợ lãi quá hạn là 103.590.834 đồng. Ngân hàng đồng ý cho ông T, bà P trả dần tiền nợ gốc trong hạn 03 năm:

Năm 2016 trả 01 tỷ đồng nợ gốc (chia 4 đợt, mỗi đợt 250 triệu đồng vào các ngày 30/3; 30/6; 30/9 và ngày 30/12/2016.

Năm 2017 trả 02 tỷ đồng nợ gốc (chia 4 đợt, mỗi đợt 500 triệu đồng vào các ngày 30/3; 30/6; 30/9 và 30/12/2017).

Năm 2018 trả 02 tỷ đồng nợ gốc và tiền lãi (chia 4 đợt, mỗi đợt 500 triệu đồng vào các ngày 30/3; 30/6; 30/9 và 30/12/2018.

Sau khi ông T, bà P trả xong toàn bộ nợ gốc thì Ngân hàng mới thu tiền nợ lãi. Ngân hàng chỉ xét miễn giảm lãi khi đã trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

Nếu ông T, bà P không trả được nợ một trong các kỳ hạn nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản

bảo đảm để đảm bảo việc thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp. Nếu số tiền bán tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ thì ông T, bà P vẫn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết toàn bộ nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra, quyết định còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngày 01/11/2016, anh Đại Văn T2, Đại Văn T3, Đại Văn H2 (Đại Tuấn H2) - là con ông T, bà P có đơn đề nghị giám đốc thẩm. Ngày 28/12/2016, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn số 1613/BCDS-VKS đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (nêu trên).

Tại Quyết định kháng nghị số 04/KNGĐT-VC1-KDTM ngày 18/4/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2016/QĐST-KDTM ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc, đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[1] Quyền sử dụng đất thửa số 31 tờ bản đồ 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ924978 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 22/6/2004 và tài sản gắn liền với đất đứng tên chủ hộ Đại Văn T.

Quyền sử dụng thửa đất số 5112 tờ bản đồ 03 diện tích 99m$^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 171892 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 25/11/2010 và tài sản gắn liền với đất đứng tên hộ gia đình ông Đại Văn T1.

Theo bản sao công chứng sổ hộ khẩu 620 mang tên chủ hộ Đại Văn T, do các con ông T cung cấp thể hiện: Thời điểm 03/3/2010 hộ ông T có 07 nhân khẩu ông Đại Văn T1, bà Nguyễn Thị P; con trai Đại Văn T1, con dâu Phạm Thị H4, con trai Đại Tuấn H2, con dâu Ngô Thị H5, con gái Đại Thị Thúy H1.

Tài liệu xác minh tại Công an thị trấn Yên Lạc thể hiện từ 2001 đến năm 2012 hộ gia đình ông Đại Văn T1 gồm 09 nhân khẩu là ông Đại Văn T1, bà Nguyễn Thị P, anh Đại Văn T2, anh Đại Văn T3, chị Đại Thị H1, anh

Đại Văn H2, chị Đại Thị H3, chị Phạm Thị H4 (con dâu) và Đại Thị Q (cháu).

Như vậy, tại thời điểm ông T, bà P đem thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 31 và thửa số 511.2 nêu trên để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng vào năm 2011, khi đó hộ gia đình ông T, bà P còn có các con của ông bà.

[2] Ngoài ra, còn có một số tài liệu thể hiện anh Đại Văn T2, Đại Văn T3, Đại Tuấn H2 có đóng góp tiền mua đất và mua nguyên vật liệu để làm nhà ở.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp sổ hộ khẩu bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp lệ để làm cơ sở xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên, mà chấp nhận bản photocopy không có giá trị pháp lý làm căn cứ giải quyết vụ án là thiếu sót, không đúng quy định của pháp luật.

[4] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông T, bà P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không làm rõ công sức đóng góp của họ đối với số tài sản đem thế chấp tại ngân hàng là thu thập và đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 83; khoản 1 Điều 85; Điều 16 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (được sửa đổi bổ sung năm 2011) ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của những người liên quan.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự

## QUYẾT ĐỊNH:

Hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2016/QĐST-KDTM ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc về vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn: Ngân hàng A, bị đơn là ông Đại Văn T1 và bà Nguyễn Thị P.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

**Nơi nhận**:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc (kèm hồ sơ);*
- *TAND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Chi cục THADS huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, PHC-TP.*

**T/M ỦY BAN THẨM PHÁN**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Anh Dũng**